

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN VĂN THỎA

**QUAN NIỆM VỀ CHÂN LÝ
TRONG TRIẾT HỌC THỰC DỤNG MỸ**

Chuyên ngành: Triết học
Mã số : 62.22.03.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SỸ TRIẾT HỌC

HÀ NỘI - 2016

**Công trình được hoàn thành tại Học viện Khoa học xã hội,
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Đặng Hữu Toàn

Phản biện 1: GS.TS Nguyễn Hùng Hậu

Phản biện 2: PGS.TS Vũ Văn Viên

Phản biện 3: PGS.TS Bùi Thị Tĩnh

Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp cơ sở tại

Học viện Khoa học Xã hội

Vào hồi giờ ngày tháng năm 2016

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Thư viện Học viện Khoa học xã hội
- Thư viện Quốc gia Hà Nội

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN TỚI ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Nguyễn Văn Thỏa, *C.S.Peirce với quan niệm về chân lý* (2012), Tạp chí Triết học, số 12 (259). Trang: 74 - 83.
2. Nguyễn Văn Thỏa, *Quan niệm của John Dewey về chân lý* (2013), Tạp chí Khoa học, Volume 58, Number 6B. Trang: 121 - 128.
3. Nguyễn Văn Thỏa, *Quan niệm của William James về chân lý* (2014), Tạp chí Khoa học, Volume 59, Number 6BC, tr.72-tr.78.
4. Nguyễn Văn Thỏa, *Phạm trù “niềm tin” trong triết học thực dụng của C.S. Peirce* (2015), Tạp chí Nhân lực Khoa học Xã hội, số 10 (29). Trang: 53 - 60.
5. Nguyễn Văn Thỏa, *Tiêu chuẩn chân lý trong triết học thực dụng Mỹ* (2015), Tạp chí Triết học, số 12 (295). Trang: 80 - 86.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Lịch sử phát triển của triết học cho thấy nhân loại không ngừng khát khao chinh phục những đỉnh cao trong nhận thức, nhằm mục đích tối hậu là đạt đến chân lý; thậm chí, nhà triết học lỗi lạc thời cổ đại Hy Lạp là Aristote còn cho rằng triết học là “khoa học về chân lý”. Các trường phái triết học, các nhà triết học cuối cùng đều hướng mục đích của mình vào việc luận giải vấn đề chân lý. Vì vậy, có thể nói, chân lý là một trong những vấn đề trung tâm, xuyên suốt của các trường phái triết học và các nhà triết học. Mỗi trào lưu triết học đều đưa ra quan điểm riêng của mình về vấn đề chân lý. Trong triết học phương Tây hiện đại, chúng ta không thể không kể đến quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ, bởi đây là quan niệm độc đáo, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn, đồng thời cũng gây nhiều ý kiến trái chiều về vấn đề này. Do vậy, làm rõ vấn đề chân lý trong triết học thực dụng Mỹ được xem là yêu cầu cần thiết đối với các nhà nghiên cứu.

Trong các trào lưu triết học Mỹ, triết học thực dụng là trường phái điển hình nhất. Triết học thực dụng Mỹ xuất hiện vào cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, với các đại diện tiêu biểu là Charles Sanders Peirce, William James và John Dewey. Triết học thực dụng Mỹ không chỉ ảnh hưởng ngay trên quê hương của nó, mà còn ảnh hưởng đến các nước phương Tây và cả Việt Nam. Triết học thực dụng được coi là nét đặc trưng của văn hóa Mỹ, là “đặc sản tinh thần” của người Mỹ. Nó ra đời cùng với sự phát triển của nước Mỹ, có tác động không nhỏ tới sự phát triển hùng mạnh của nước Mỹ. Người Mỹ xem triết học thực dụng như là công cụ hữu hiệu bậc nhất để phát huy nguồn lực con người trong sự phát triển của đất nước.

Nước Mỹ nói chung, văn hóa Mỹ nói riêng là một phần của châu Âu, của văn hóa phương Tây, nên văn hóa Mỹ tiếp thu và chịu ảnh hưởng rất lớn của văn hóa Tây Âu, trong đó có triết học. Nhưng trong bối cảnh nước Mỹ, điều kiện Mỹ rất đặc thù, với yếu tố tự nhiên, bối cảnh kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, nhất là mặt nhân chủng học, văn hóa phương Tây đi vào nước Mỹ đã tự chuyển hóa, triết học phương Tây được thâm nhập vào nước Mỹ với thuyết Hegel mới - một trường phái triết học duy tâm tuyệt đối. Bối cảnh nước Mỹ cuối thế kỷ XIX đang bước vào giai đoạn xã hội công nghiệp hậu kỳ, rất năng động, rất cần phát triển, muốn biến khoa học công nghệ thành động lực để phát triển. Nước Mỹ muốn tạo dựng niềm tin vào hiệu quả của khoa học, dựa vào công nghệ để phát triển xã hội. Nhưng khoa học nào mới là khoa học đích thực? Đây chính là vấn đề chân lý. Tính chất tư biện, trừu tượng, giáo điều của triết học phương Tây vào nước Mỹ nhân danh khoa học bị chống phá quyết liệt. Rõ

ràng, tính chất tư biện, giáo điều của thuyết Hegel mới từ Anh vào Mỹ bị người Mỹ phê phán, cái mà nước Mỹ và người Mỹ chống không phải là chống thuyết Hegel mà chống chủ nghĩa duy tâm tuyệt đối của thuyết Hegel mới. Trong bối cảnh đó, văn hóa Mỹ dựa vào Tin lành giáo để tồn tại và phát triển. Tin lành giáo có nhiều điểm chống thuyết tư biện, trừu tượng, đối lập với chủ nghĩa duy tâm tuyệt đối. Có thể nói, vấn đề chân lý trong triết học thực dụng Mỹ để phân biệt rõ ràng chân khoa học với giả khoa học, biến chân khoa học thành động cơ, động lực cho sự phát triển xã hội, đã đáp ứng và hoàn thành được vai trò đó. Hiện nay, chúng ta đang tiếp thu bài học của phương Tây, trong đó có văn hóa Mỹ, chính là tiếp thu tinh thần chống tư biện, trừu tượng, hướng tới hiệu quả, thiết thực mà vấn đề chân lý trong triết học thực dụng đã đặt ra và giải quyết.

Sở dĩ triết học thực dụng có ảnh hưởng lớn đến mọi mặt trong đời sống xã hội nước Mỹ nói riêng và các nước phương Tây nói chung là do nó hướng tới giải quyết nhiều vấn đề mà thực tiễn đặt ra. Ở đây, quan niệm về chân lý không còn thuần túy mang ý nghĩa lý luận, mà gắn liền với thực tiễn, phục vụ cho hoạt động cải tạo thực tiễn. Nghiên cứu quan niệm về chân lý của triết học thực dụng giúp chúng ta làm rõ những giá trị này.

Trong suốt một thời gian dài, từ sau năm 1975, quan hệ giữa Việt Nam và Mỹ luôn trong trạng thái “đóng băng”. Do đó, việc tìm hiểu về văn hóa Mỹ nói chung, triết học Mỹ nói riêng còn hết sức hạn chế. Việc bình thường hóa quan hệ Việt - Mỹ từ giữa thập niên 90 của thế kỷ XX đã tạo điều kiện cho hai nước hợp tác trên nhiều phương diện, trong đó có văn hóa. Tuy nhiên, so với đòi hỏi khách quan, việc tìm hiểu về văn hóa Mỹ nói chung và triết học Mỹ nói riêng, có thể nói, chưa nhiều. Trong khi đó, hiện nay, quá trình hội nhập quốc tế diễn ra ngày càng sâu rộng trên nhiều lĩnh vực. Để góp phần khắc phục những hạn chế trong quá trình hội nhập của Việt Nam, chúng ta cần phải đẩy mạnh nghiên cứu các trào lưu triết học phương Tây hiện đại, trong đó có triết học thực dụng Mỹ. Thêm vào đó, với chủ trương phát triển kinh tế tri thức, khi mà tiêu chuẩn của mọi hoạt động phải căn cứ vào hiệu quả thì việc nghiên cứu quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ, với nội dung cốt yếu là lấy tính hữu dụng làm thước đo của chân lý, càng trở nên cần thiết.

Hơn nữa, trong công cuộc đổi mới toàn diện ở nước ta hiện nay, mà trước hết là đổi mới tư duy đã diễn ra 30 năm qua, song vấn đề đổi mới tư duy hiện vẫn được Đảng ta xác định là vấn đề căn bản của sự nghiệp đổi mới, là điểm then chốt cho sự thành công của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Theo tinh thần đó, việc tiếp thu không chỉ những thành tựu kinh tế, khoa học, công nghệ, mà cả những thành tựu về tư tưởng tiên bộ của phương Tây cho sự phát triển của đất nước lại càng trở nên cấp thiết.

Trong các văn kiện của Đảng, các nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã đặt ra yêu cầu đối với công tác lý luận nói chung và đội ngũ giảng viên lý luận chính trị nói riêng. Chẳng hạn, trong Nghị quyết 01, Bộ Chính trị - Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Khóa VII ban hành ngày 28 tháng 03 năm 1992 khẳng định rằng: *Trong nhiều năm qua nội dung đào tạo đội ngũ cán bộ lý luận hầu như chỉ bó hẹp trong các bộ môn khoa học Mác - Lênin, chưa coi trọng việc nghiên cứu các trào lưu khác và tiếp thu những thành tựu khoa học của thế giới. Hậu quả là số đông cán bộ lý luận thiếu hiểu biết rộng rãi về kho tàng tri thức của loài người, do đó khả năng phát triển bị hạn chế.* Vì vậy, yêu cầu đặt ra đối với người làm công tác nghiên cứu và giảng dạy trong các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu là cần đẩy mạnh công việc nghiên cứu và giảng dạy triết học phương Tây hiện đại cho người học, giúp người học tiếp thu tinh hoa tư tưởng của người phương Tây, hạn chế mặt tiêu cực, nhằm phục vụ có hiệu quả cho quá trình hội nhập quốc tế hiện nay.

Thêm vào đó, nghiên cứu quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ còn góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận nhận thức của nhân loại và có thể coi là một cơ sở để chúng ta so sánh, đối chiếu vấn đề này với các trào lưu triết học khác. Đồng thời, nó là sự đối chứng, cho phép chúng ta khẳng định tính đúng đắn, giá trị khoa học của lý luận nhận thức, trong đó có quan niệm về chân lý của triết học Mác - Lênin.

Từ những lý do trên, chúng tôi lựa chọn “*Quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ*” làm đề tài luận án tiến sĩ chuyên ngành Triết học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Làm rõ những điều kiện, tiền đề, nội dung cơ bản của quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ (qua các nhà triết học thực dụng là C.Peirce, W.James và J.Dewey), luận án chỉ ra những giá trị và hạn chế của nó.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện được mục đích trên, luận án giải quyết những nhiệm vụ sau:

Một là, làm rõ khái niệm triết học thực dụng và vị trí của vấn đề chân lý trong triết học thực dụng Mỹ; các đại diện tiêu biểu của triết học thực dụng Mỹ.

Hai là, luận giải cơ sở hình thành quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ.

Ba là, phân tích những nội dung cơ bản của quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ.

Bốn là, chỉ ra và luận giải những giá trị và hạn chế của quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ.

3. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

3.1. Cơ sở lý luận

Đề tài dựa trên cơ sở lý luận của triết học Mác - Lênin, cụ thể là những nguyên lý của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Đó là hệ thống các nguyên tắc phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử như: nguyên tắc khách quan, nguyên tắc toàn diện, nguyên tắc lịch sử cụ thể. Trên cơ sở đó, luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phân tích - tổng hợp; lôgic - lịch sử; diễn dịch - quy nạp; so sánh, hệ thống hóa; phương pháp văn bản học, v.v...

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án nghiên cứu quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận án làm rõ quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ với các nhà triết học tiêu biểu là C. Peirce, W. James và J. Dewey.

5. Đóng góp mới của luận án

- Luận án góp phần làm rõ khái niệm triết học thực dụng, cơ sở hình thành quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ.

- Luận án góp phần làm rõ những nội dung cơ bản của quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ thông qua các đại diện tiêu biểu là C. Peirce, W. James và J. Dewey.

- Luận án bước đầu đánh giá những giá trị cũng như hạn chế của quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ, trên cơ sở so sánh, đối chiếu với quan niệm về chân lý trong triết học Mác - Lênin; từ đó có những đánh giá khách quan để góp phần hiểu đúng về triết học thực dụng Mỹ - một trường phái triết học có tính chất đặc thù, điển hình cho văn hóa Mỹ và có tác động sâu rộng đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội nước Mỹ.

6. Ý nghĩa của luận án

- Luận án góp phần nghiên cứu chuyên sâu quan niệm về chân lý của một trường phái triết học điển hình - triết học thực dụng Mỹ.

- Luận án có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu, giảng dạy triết học thực dụng nói riêng, triết học Mỹ nói chung; lý luận nhận thức; về văn hóa Mỹ, v.v... Đồng thời là tài liệu tham khảo cho sinh viên, học viên cao học chuyên ngành triết học.

7. Kết cấu của luận án

Để đảm bảo mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu, ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình khoa học của tác giả đã công bố liên quan đến đề tài luận án và danh mục tài liệu tham khảo, luận án gồm 4 chương, 12 tiết.

NỘI DUNG

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan về triết học thực dụng Mỹ

1.1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước

Trước năm 1986, nghiên cứu về triết học thực dụng được thể hiện trong các công trình nghiên cứu về triết học phương tây, chủ yếu đều tập trung phê phán triết học phi mácxít nói chung và triết học thực dụng nói riêng.

Từ sau năm 1986, ở nước ta đã xuất hiện nhiều hơn các công trình nghiên cứu về triết học phương tây hiện đại nói chung và triết học thực dụng nói riêng.

Ấn phẩm dưới dạng sách, tài liệu chuyên khảo:

Ở nước ta, nghiên cứu về triết học thực dụng phải kể đến các tác giả như: Đỗ Minh Hợp (1997), *Triết học phương Tây hiện đại*; Lịch sử triết học phương Tây, tập 3 (2014); Nguyễn Ngọc Long (1998), *Triết học phương Tây hiện đại ngoài mácxít và ảnh hưởng của nó đến Việt Nam hiện nay*; Phạm Minh Lăng (2001), *Những chủ đề cơ bản của triết học phương Tây*; Bùi Đăng Duy và Nguyễn Tiến Dũng với các tác phẩm: *Lược khảo triết học phương Tây hiện đại* (2003); *Lịch sử triết học phương Tây hiện đại* (2005) và *Triết học Mỹ* (2006); *Những vấn đề triết học phương Tây thế kỷ XX* (2007); Phan Quang Định (2008), *Toàn cảnh triết học Âu Mỹ*; Đỗ Kiên Trung (2010), *Triết học tân thực dụng*; Trịnh Sơn Hoan (2012), *William James và chủ nghĩa thực dụng Mỹ*, v.v... Có thể thấy trong những năm gần đây, đã xuất hiện nhiều hơn các công trình nghiên cứu về triết học phương Tây hiện đại nói chung và triết học thực dụng Mỹ nói riêng. Tuy nhiên, nghiên cứu về triết học thực dụng Mỹ ở nước ta còn chưa nhiều và chưa mang tính hệ thống, có rất ít các công trình chuyên biệt về triết học thực dụng.

Ấn phẩm là các bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành: Ngoài những công trình, tài liệu trên, ở nước ta đã xuất hiện một số bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành đề cập khái quát về chủ nghĩa thực dụng và các đại diện như: Phong Hiền (1972), *Chủ nghĩa thực dụng Mỹ và một số biểu hiện hiện đại của nó*; Trần Tuấn Phong (1996), *Về khái niệm “kinh nghiệm” trong hệ thống triết học của William James*; Đỗ Minh Hợp (1996), *Vấn đề tính chủ quan trong triết học phương Tây hiện đại*; Nguyễn Hào Hải (1997), *Chủ nghĩa thực dụng qua một số đại biểu của nó*; Nguyễn Tiến Dũng (1997), *Chủ nghĩa thực dụng Mỹ, Chủ nghĩa cá nhân Mỹ* (1999); Trịnh Sơn Hoan (2008), *Vài nét về chủ nghĩa thực dụng Mỹ*, v.v... Các bài viết này đề cập một cách khái quát về điều kiện, tiền đề, quá trình hình thành, nội dung, đặc điểm cơ bản của chủ nghĩa thực dụng và tư tưởng của các nhà triết học thực dụng.

Ở cấp độ luận văn, luận án:

Một số luận án tiến sỹ, luận văn thạc sỹ lấy chủ nghĩa thực dụng làm đề tài nghiên cứu của mình như: Nguyễn Ngọc Ba (2004), *Ảnh hưởng của chủ nghĩa thực dụng đến nhân cách người cán bộ hậu cần quân đội*; Phan Thị Thùy Dương (2009), *Quan niệm của William James về chân lý*; Nguyễn Hải Hoàng (2015), *Vấn đề niềm tin trong triết học thực dụng của Peirce*; Trịnh Sơn Hoan (2015), *Vấn đề nhân sinh trong triết học Mỹ*... Các tác giả đã khai thác trên nhiều phương diện của chủ nghĩa thực dụng. Đây là những tư liệu tham khảo để tác giả tiếp tục đi sâu tìm hiểu về triết học thực dụng nói riêng và quan niệm về chân lý của trường phái triết học này nói riêng.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Mặc dù triết học thực dụng là trào lưu có ảnh hưởng lớn trong đời sống xã hội nhưng chưa được giới nghiên cứu quan tâm một cách tương xứng. Chúng ta thấy không có nhiều công trình nghiên cứu về triết học thực dụng, có thể điểm một số công trình như: Konvitz M.R., Kennedy G. (1960), *The American Pragmatists*; Thayer H.S. (1968), *Meaning and Action A Critical History of Pragmatism*; White M. (1978), *The Philosophy of the American Revolution*...

Ở nước ta đã xuất hiện nhiều tài liệu được dịch và xuất bản liên quan đến chủ nghĩa thực dụng như: J.K. Melvil (1959), *Phê phán chủ nghĩa thực dụng*; Lưu Phóng Đồng (1994), *Triết học phương Tây hiện đại*; Lưu Phóng Đồng (2004), *Giáo trình hướng tới thế kỷ 21: Triết học phương Tây hiện đại*; Viện Triết học (1996), *Triết học phương Tây hiện đại từ điển*; J.K. Melvil (1997), *Các con đường của triết học phương Tây hiện đại*; Vương Ngọc Bình (2004), *Uylian Giêmxor*; S.E. Stumpf và D.C. Abel (2004), *Nhập môn triết học phương Tây*; Ted Honderich (2006), *Hành trình cùng triết học*; Jean Wall (2006), *Lược sử triết học phương Tây*; S.E. Stumpf (2007), *Lịch sử triết học và các luận đề*...

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu về triết học thực dụng đã khái quát điều kiện, tiền đề ra đời, quá trình phát triển, những nội dung cơ bản của triết học thực dụng, tư tưởng của các nhà triết học thực dụng. Tuy nhiên, ở các công trình, việc nghiên cứu còn thiếu tính hệ thống, khách quan, toàn diện về triết học thực dụng Mỹ, nhất là quan niệm về chân lý của trường phái triết học này. Mặc dù vậy, những kết quả nghiên cứu trên là cơ sở quan trọng để tác giả lý giải khái niệm triết học thực dụng Mỹ; cơ sở hình thành quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ.

1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan về vấn đề chân lý trong triết học thực dụng Mỹ

Chúng ta có thể thấy các công trình nghiên cứu độc lập về vấn đề chân lý trong triết học thực dụng hầu như chưa có, chỉ tìm thấy một số quan điểm thiếu

tính hệ thống trong các công trình nghiên cứu về triết học phương Tây nói chung và triết học thực dụng nói riêng. Các công trình nghiên cứu có liên quan đến vấn đề chân lý trong triết học thực dụng tiêu biểu như: Cuốn *Lịch sử triết học phương Tây hiện đại* (2005) và *Triết học Mỹ* (2006) của hai tác giả Bùi Đăng Duy và Nguyễn Tiến Dũng; cuốn *Triết học phương Tây hiện đại*, tập 2 (Nxb Chính trị quốc gia, năm 1994); Cuốn *Giáo trình hướng tới thế kỷ XXI - Triết học phương Tây hiện đại* (Nxb Lý luận Chính trị, năm 2001) của tác giả Lưu Phóng Đồng; Cuốn *Các con đường của triết học phương Tây hiện đại* (1997) của J.K.Melvil; Cuốn *Lịch sử triết học và các luận đề* của S.E. Stumpe; Luận án tiến sĩ *Ảnh hưởng của chủ nghĩa thực dụng đến nhân cách người cán bộ hậu cần quân đội* (2004); Luận án tiến sĩ *Vấn đề niềm tin trong triết học thực dụng của Peirce* (2015) của Nguyễn Hải Hoàng...

Nhìn chung, thông qua các công trình nghiên cứu trên, các nhà nghiên cứu đã bàn đến khái niệm chân lý thông qua quan niệm của các nhà triết học thực dụng Mỹ là C. Peirce, W. James và J. Dewey. Các tác giả đều thống nhất cho rằng, triết học thực dụng khẳng định chân lý là cái đem lại hiệu quả trong hành động của con người. Peirce cho rằng hiệu quả thực tế là tiêu chuẩn của chân lý, James và Dewey khẳng định tính hiệu quả có ích, sự thành công là tiêu chuẩn của chân lý. Các nhà triết học thực dụng đều nhấn mạnh vai trò của phương pháp khoa học trong nhận thức chân lý, đồng thời tuyệt đối hóa vai trò chủ quan của chủ thể trong quá trình nhận thức chân lý.

Các kết quả nghiên cứu về vấn đề chân lý trong triết học thực dụng Mỹ còn chưa nhiều, chưa thành hệ thống. Vì vậy, luận án sẽ tập trung làm sáng tỏ tính hệ thống của quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ.

1.3. Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan về giá trị và hạn chế của quan niệm chân lý trong triết học thực dụng Mỹ

Ở nước ta, nghiên cứu về triết học thực dụng chưa nhiều, nghiên cứu quan niệm về chân lý của trường phái triết học này lại càng ít. Đặc biệt, việc nghiên cứu để khẳng định những giá trị và hạn chế của nó hầu như chưa được bàn đến. Có thể nói, các công trình nghiên cứu mới chỉ bước đầu đưa ra một số nhận định về giá trị và hạn chế của quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ. Trong nhiều nhận định về giá trị và hạn chế của triết học thực dụng nói chung và quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ nói riêng còn chịu sự chi phối của lập trường giai cấp nên thiếu tính khách quan. Do đó, để đưa ra một cái nhìn đúng đắn, khách quan về những giá trị cũng như hạn chế trong quan niệm về chân lý của triết học thực dụng Mỹ, chúng ta phải căn cứ vào nội dung tư tưởng của các nhà triết học thực dụng, đồng thời có sự so sánh

đôi chiếu với quan niệm này của một số trường phái triết học, nhất là quan điểm khoa học của triết học Mác - Lênin. Trên cơ sở phân tích nội dung quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ, thông qua ba đại diện tiêu biểu là C.Peirce, W. James và J. Dewey, tác giả sẽ giải quyết vấn đề này. Đó là một nhiệm vụ quan trọng và cũng là đóng góp của trong luận án.

1.4. Đánh giá chung về kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học đã công bố và những vấn đề cần tập trung giải quyết trong luận án

Thông qua các công trình của các nhà nghiên cứu có liên quan về triết học thực dụng Mỹ, về vấn đề chân lý của trường phái triết học này, dưới những góc độ tiếp cận khác nhau, có thể thấy, những nghiên cứu trên đã đạt được một số kết quả nhất định. Trên cơ sở kế thừa, tiếp thu những kết quả nghiên cứu đã đạt được về triết học thực dụng Mỹ nói chung, về vấn đề chân lý nói riêng, tác giả nhận thấy cần phải tiếp tục nghiên cứu, tập trung giải quyết một số nội dung sau: *Thứ nhất*, luận án cần làm rõ cơ sở hình thành quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ; *Thứ hai*, luận án cần tiếp tục làm rõ khái niệm triết học thực dụng và vị trí của vấn đề chân lý trong triết học thực dụng Mỹ; *Thứ ba*, các công trình nghiên cứu mới chỉ bước đầu chỉ ra quan niệm về chân lý của từng triết gia thực dụng, chủ yếu là quan niệm về chân lý của W. James. Vì vậy, luận án cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ một cách hệ thống, toàn diện, mang tính đặc trưng của quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ trên cơ sở khái quát quan niệm về chân lý của các nhà triết học thực dụng Mỹ; *Thứ tư*, luận án cần tập trung làm sáng tỏ khái niệm chân lý, tiêu chuẩn của chân lý, phương pháp luận khoa học để đạt đến chân lý của triết học thực dụng Mỹ trên cơ sở quan niệm về chân lý của C.Peirce, W. James và J. Dewey; *Thứ năm*, luận án cần chỉ ra những giá trị và hạn chế của quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ trên cơ sở nội dung quan niệm về chân lý của trường phái triết học này. Tác giả xem đây là điểm mới và đóng góp cơ bản của luận án.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Thông qua các công trình của các nhà nghiên cứu, của các học giả trong nước và nước ngoài về triết học thực dụng Mỹ nói chung, quan niệm về chân lý của trường phái triết học này nói riêng, dưới những góc độ tiếp cận khác nhau, ở những khía cạnh khác nhau, có thể thấy, các nghiên cứu đã đạt được kết quả trong việc làm rõ điều kiện, tiền đề cho sự ra đời của triết học thực dụng Mỹ, những nội dung cơ bản của triết học thực dụng và tư tưởng của các nhà triết học thực dụng Mỹ. Những kết quả này là hết sức cần thiết cho những người nghiên cứu kế thừa và tiếp tục nghiên cứu.

Căn cứ vào tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án, có thể khẳng định, cho đến thời điểm hiện nay, chưa có một công trình khoa học nào trực tiếp đề cập đến quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ để từ đó, chỉ ra giá trị và hạn chế của nó ở cấp độ một luận án. Với quá trình nghiên cứu và những kết quả nghiên cứu về triết học thực dụng Mỹ của các nhà nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy cần phải tiếp tục nghiên cứu để làm sáng tỏ quan niệm nền tảng của triết học thực dụng - quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ. Đây là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn, góp phần làm rõ bản chất của triết học thực dụng một cách khách quan - vấn đề mà bấy lâu nay chúng ta vẫn còn nhiều tranh luận trái chiều. Tất nhiên, để làm rõ vấn đề này, việc kế thừa những kết quả của các công trình nghiên cứu trước đó là rất cần thiết.

Chương 2

CƠ SỞ HÌNH THÀNH QUAN NIỆM VỀ CHÂN LÝ TRONG TRIẾT HỌC THỰC DỤNG MỸ

2.1. Khái quát về triết học thực dụng Mỹ và vị trí của vấn đề chân lý trong triết học thực dụng Mỹ

2.1.1. Khái niệm triết học thực dụng

Triết học thực dụng là một trào lưu triết học ra đời ở Mỹ vào những năm 70 của thế kỷ XIX, là đóng góp độc đáo nhất của tư tưởng Mỹ cho kho tàng triết học nhân loại. Triết học thực dụng được hình thành với tư tưởng nền tảng của C. Peirce, được truyền bá rộng rãi bởi W. James và được đưa vào đời sống hàng ngày một cách có phương pháp nhờ J. Dewey.

Về nguồn gốc của khái niệm triết học thực dụng (Pragmatism). Khái niệm triết học thực dụng xuất phát từ học thuyết về nghĩa của C. Peirce, đây là học thuyết trung tâm trong triết học của ông, mục đích của ông là làm sáng tỏ nghĩa của khái niệm, tư tưởng. Ở đây, ông đã đưa ra một cách giải thích mới về cách thức để tạo lập nghĩa của khái niệm, từ đó, tạo lập thuật ngữ “pragmatism”. Thuật ngữ triết học thực dụng (pragmatism) có nguồn gốc từ chữ “pragma” trong tiếng Hy Lạp (nghĩa là “hành vi”, “thực tiễn”). Ông rút ra kết luận: nội dung tư tưởng nào cũng là tổng số những *hiệu quả thực tế*, kết quả của những hành động bắt nguồn từ những tư tưởng ấy.

Thực ra, khái niệm “chủ nghĩa thực dụng” (pragmatism) là do W. James nêu ra lần đầu tiên trong một bài phát biểu đọc tại California vào năm 1898 với tên gọi *Khái niệm triết học và hiệu quả thực tế*. Trong bài phát biểu này, James đã đề cập đến “nguyên tắc Peirce” và “nguyên tắc chủ nghĩa thực tế hay chủ

nghĩa thực dụng” của C.Peirce.

Như vậy, đặc điểm chung của triết học thực dụng là nhấn mạnh triết học cần đi sâu và giải quyết những vấn đề của đời sống thực tiễn, coi *chân lý là niềm tin vững chắc, là xuất phát điểm của hành động, thực dụng là phương thức tư duy trong hành động, hành động là phương tiện chủ yếu, mục đích của hành động là hiệu quả thực tế.*

2.1.2. Triết học thực dụng Mỹ với việc xác định đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của triết học

Từ khi triết học thực dụng xuất hiện trên diễn đàn triết học, với các đại diện tiêu biểu là C. Peirce, W. James và J. Dewey đã đặt ra vấn đề thực hiện một cuộc cách mạng trong triết học, đó là việc *xác định lại đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của triết học*. Các nhà triết học thực dụng cho rằng, *nhiệm vụ của triết học chỉ là vấn đề nhận thức luận và phương pháp luận khoa học, chứ không phải là vấn đề thế giới quan*. Mệnh đề triết học thực dụng đưa ra là: *Tư tưởng, quan niệm có thể trở thành niềm tin của con người hay không, tùy thuộc vào việc có tạo cơ sở cho con người hành động đạt được hiệu quả như dự tính hay không*. Họ muốn cải tạo triết học với từ “P” viết hoa (Philosophy: một lý thuyết hàn lâm, trừu tượng, phổ quát) thành chữ “p” viết thường (philosophy: một lý thuyết thiết thực, hiệu quả).

Triết học thực dụng giải quyết mối quan hệ giữa tư duy và hành động, thể hiện cách tư duy đặc thù. Bản thân khái niệm “thực dụng” đã thể hiện cách thức tư duy trong hành động, thước đo của tư duy là kết quả của hành động. Phương thức tư duy đó không xem xét khái niệm trong bản thân khái niệm, mà đi sâu nghiên cứu xem khi sử dụng chúng thì sẽ tạo ra những hiệu quả thực tế nào. Điều quan trọng không phải là nhận thức đúng về thế giới, mà nhận thức đó giúp ích gì cho hành động của con người.

2.1.3. Vị trí của vấn đề chân lý trong triết học thực dụng Mỹ

Các nhà triết học thực dụng Mỹ là C. Peirce, W. James và J. Dewey đều nhất quán trong việc xác định vị trí quan trọng của vấn đề chân lý trong lý luận nhận thức nói riêng và trong triết học thực dụng nói chung. Vấn đề chân lý không chỉ là một nội dung trọng tâm, nó còn là vấn đề xuyên suốt trong hệ thống lý luận của trường phái triết học này. Với quan niệm về chân lý, triết học thực dụng đã tạo ra đặc trưng và sự khác biệt của nó với các trào lưu triết học khác, tìm hiểu vị trí của vấn đề chân lý trong triết học thực dụng là cơ sở để chúng ta nghiên cứu những nội dung cơ bản trong quan niệm về chân lý của triết học thực dụng Mỹ.

2.2. Điều kiện khách quan cho sự hình thành quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ

2.2.1. Bối cảnh lịch sử, điều kiện kinh tế, chính trị - xã hội nước Mỹ cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX

Lịch sử nước Mỹ rất đặc biệt, nó chỉ mất khoảng 300 trăm năm từ khi được phát hiện đến khi giành được độc lập cùng với bản Tuyên ngôn độc lập năm 1776, để vượt quá trình mấy ngàn năm mà các nước đại lục châu Âu đã đi qua, trở thành một nước tư bản chủ nghĩa. Cũng do điều kiện lịch sử như vậy, người Mỹ cần một tư duy triết học phù hợp với tính đa quốc gia của dân tộc Mỹ. Triết học thực dụng nói chung và quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng nói riêng, với tư tưởng cốt lõi là đồng nhất chân lý với tính hiệu quả, ra đời ở nước Mỹ không ngoài đòi hỏi khách quan đó của lịch sử.

Nước Mỹ có điều kiện lịch sử rất đặc thù, điều đó đòi hỏi một tư duy triết học phù hợp. Những điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội là mảnh đất hiện thực cho sự hình thành triết học thực dụng nói chung và quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng nói riêng. Chính hoàn cảnh sinh tồn và sự khao khát tự do của con người đã thai nghén và sinh thành nền văn hóa Mỹ, triết học Mỹ, hệ thống lý luận đậm chất Mỹ, trong đó triết học thực dụng là cốt lõi. Với người Mỹ, tư duy hiệu quả được đặt lên hàng đầu, mọi hành động đều phải tạo ra hiệu quả nào đó, bởi chỉ có hiệu quả mới giúp ích cho họ. Hiệu quả trở thành mục đích của hành động, là thước đo giá trị, cũng là tiêu chuẩn của chân lý. *Cái gì hữu dụng cái đó là chân lý, cái gì là chân lý cái đó tất phải hữu dụng.* Đó cũng là quan niệm cơ bản về chân lý của triết học thực dụng Mỹ.

2.2.2. Nền văn hóa Mỹ với sự hình thành quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ

Nước Mỹ là một quốc gia được gọi là Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Tên gọi Hợp chủng quốc Hoa Kỳ cho chúng ta cái nhìn về một quốc gia đa sắc tộc, đa tôn giáo, quy định một nền văn hóa đa dạng mang đậm chất Mỹ. Nền văn hóa đó đòi hỏi con người phải hướng về một giá trị cốt lõi. Trên cơ sở nền văn hóa Mỹ đã thai nghén triết học Mỹ, trong đó, triết học thực dụng với nền tảng là quan niệm về chân lý đã đáp ứng được yêu cầu của người Mỹ về giá trị cốt lõi đó.

2.2.3. Tư tưởng triết học của bản Tuyên ngôn độc lập (Mỹ năm 1776) và ảnh hưởng của nó đến quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ

Có thể nói, tiền đề trước tiên và rất quan trọng cho sự hình thành triết học thực dụng Mỹ nói chung và quan niệm về chân lý nói riêng chính là tư tưởng triết học của Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ. Được soi sáng từ cơ sở lý luận là nội dung của bản Tuyên ngôn, nên từ cuối thế kỷ XIX, nước Mỹ đã xuất hiện một cuộc vận động triết học đầy sinh khí và sáng tạo, có ý nghĩa

sâu sắc, đó là cuộc vận động chủ nghĩa thực dụng. Thời đại hoàng kim của triết học Mỹ cũng bắt đầu từ đây và ghi dấu bằng sự phát triển của triết học thực dụng. Niềm tin của người Mỹ vào những chân lý hiển nhiên trong bản Tuyên ngôn độc lập đã được cụ thể hóa trong quan niệm về chân lý của triết học thực dụng. Quan niệm đó trở thành triết lý hành động thúc đẩy người Mỹ không ngừng lao động, sáng tạo để ngày càng tạo ra nhiều hơn những giá trị vật chất và tinh thần, bởi họ tin vào giá trị cốt lõi và hành động theo nó - hiệu quả, lợi ích trở thành tiêu chuẩn của chân lý.

2.2.4. Tư tưởng đạo đức của Tin lành giáo và ảnh hưởng của nó đến quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ

Sự hình thành triết học thực dụng Mỹ nói chung, quan niệm về chân lý nói riêng, chịu ảnh hưởng từ những tư tưởng đạo đức, giáo lý của đạo Tin lành. Đổi lại, triết học thực dụng Mỹ và quan niệm về chân lý nhằm luận chứng trực tiếp cho tôn giáo này. Quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ có sự phù hợp một cách tự nhiên với những giá trị đạo đức của đạo Tin lành. Qua đó, chúng ta thấy được vai trò, ảnh hưởng của những giá trị đạo đức Tin lành giáo tới sự hình thành quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ. Tin lành giáo sở dĩ phù hợp với xã hội Mỹ, bởi vì đó chính là một xã hội đề cao tự do, đề cao chủ nghĩa cá nhân, coi trọng hiệu quả thực tế, những ràng buộc xã hội dựa trên mục đích là lợi ích cá nhân, con người tự do theo đuổi mục đích và hành động theo mục đích đặt ra. Do đó, quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng kết hợp với đạo Tin lành trong xã hội Mỹ đã tạo nên sức sống bền vững, đáp ứng nhu cầu của con người trong xã hội đương thời đó.

2.2.5. Tiền đề triết học

Ngoài tiền đề lý luận là những tư tưởng triết học trong bản Tuyên ngôn độc lập và tư tưởng đạo đức của đạo Tin lành, triết học thực dụng nói chung, quan niệm về chân lý nói riêng được hình thành còn là sự kế thừa và chịu ảnh hưởng trực tiếp của tiền đề triết học.

Có thể nói, triết học thực dụng là một cố gắng đi tìm giải pháp cho những cuộc tranh luận triết học. Họ muốn vượt lên sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm, giữa khoa học và tôn giáo, giữa tư tưởng và hành động, nhằm biện minh hay cung cấp nền tảng cho tư duy lý thuyết, chỉ cần tư duy kết thúc bằng hành động đạt được hiệu quả nào đó. Trên cơ sở kế thừa truyền thống của triết học phương Tây, tiêu biểu là tư tưởng triết học của Descartes, Kant, chủ nghĩa Hegel mới, coi đây như những phản tiền đề, bằng việc phê phán tư tưởng của các nhà triết học truyền thống, các nhà triết học thực dụng đã xây dựng hệ thống quan điểm triết học của mình. Họ khẳng định, *thực dụng chính là phương thức tư duy trong hành động, đích đến của tư duy là hiệu quả thực tế, tính có ích*

và sự thành công trong hành động. Đây cũng là quan điểm nền tảng của lý thuyết về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ.

2.3. Nhân tố chủ quan cho sự hình thành quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ

Để thấu hiểu vấn đề chân lý trong triết học thực dụng Mỹ, chúng ta cần phải nắm bắt khái quát lịch sử của trào lưu triết học này qua các đại diện tiêu biểu của nó, tư tưởng của họ về chân lý, với tính cách là những nhân tố chủ quan cho sự hình thành quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ.

2.3.1. Charles Sanders Peirce

Charles Sanders Peirce (1839 - 1914) là nhà triết học, logic học, toán học và tự nhiên học. Nhưng trên hết, ông được thừa nhận là *người sáng lập triết học thực dụng Mỹ*. Triết học thực dụng của Peirce tuy không phải là một hệ thống triết học hoàn chỉnh, nhưng những tư tưởng thực dụng chủ nghĩa được ông đưa ra vào những năm đầu thập niên 70 của thế kỷ XIX đã thực sự trở thành cơ sở lý luận cho sự ra đời của triết học thực dụng Mỹ và do vậy, ông xứng đáng được tôn vinh là người sáng lập chủ nghĩa thực dụng Mỹ - một trào lưu triết học có ảnh hưởng lớn không chỉ trong thế kỷ XX, mà còn cho đến cả hiện nay. Đồng thời, *Peirce cũng là người đặt nền móng cho quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ*.

2.3.2. William James

Trên cơ sở những tư tưởng của C. Peirce, W. James đã kế thừa, hệ thống hóa triết học thực dụng, ông chính là người truyền bá triết học thực dụng của Peirce vào đời sống, làm cho nước Mỹ biết đến Peirce với tư cách là người sáng lập triết học thực dụng. Công lao của James là phát triển những nguyên tắc phương pháp luận của triết học thực dụng Peirce thành hệ thống, đồng thời dùng nó để phân tích những vấn đề cụ thể. Ông đã biến tư tưởng của Peirce thành một khái niệm nền tảng của triết học thực dụng. Theo đó, trong quan niệm về chân lý, James đã cụ thể hóa quan niệm của Peirce, khi khẳng định *tư tưởng là hữu ích, vì nó chân thực hay tư tưởng chân thực, vì nó hữu ích*.

2.3.3. John Dewey

John Dewey (1859 - 1952) là nhà triết học, nhà giáo dục lớn, nhà xã hội học của nước Mỹ. Ông để lại cho nhân loại khoảng 30 tác phẩm và hàng nghìn luận văn. Các vấn đề ông nghiên cứu bao trùm một phạm vi rộng lớn về logic học, siêu hình học, các lý thuyết về nhận thức. Các tác phẩm ảnh hưởng lớn nhất của ông bàn về giáo dục, dân chủ, đạo đức học, tôn giáo và nghệ thuật.

J. Dewey có đóng góp lớn về mặt triết học, ông là người đã hoàn thiện và đưa triết học thực dụng vào đời sống thực tiễn một cách phổ biến ở nước Mỹ.

Công lao và ảnh hưởng của Dewey cũng như triết học thực dụng của ông đã đưa ông đến một vị trí đặc biệt trong triết học phương Tây hiện đại. Ông đã phát triển quan niệm về chân lý trong chủ nghĩa công cụ, làm cho nó không còn trừu tượng như quan niệm của C. Peirce và W. James, theo đó *chân lý được hiểu là tính hữu ích, sự thành công trong việc giải quyết những tình huống cụ thể*.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Triết học thực dụng là một trào lưu triết học ra đời ở Mỹ vào những năm 70 của thế kỷ XIX, là đóng góp độc đáo nhất của tư tưởng Mỹ cho kho tàng triết học. Triết học thực dụng được hình thành với lý thuyết nền tảng của C. Peirce, được truyền bá rộng rãi bởi W. James và được đưa vào đời sống hàng ngày một cách có phương pháp nhờ J. Dewey. Trên cơ sở nguyên tắc chủ nghĩa thực dụng của Peirce, James đã phát triển thành lý thuyết về chân lý và Dewey đã xây dựng lý luận này trong chủ nghĩa công cụ. Có thể nói, quan niệm về chân lý là một nội dung cơ bản trong toàn bộ học thuyết của triết học thực dụng Mỹ với ba nhà triết học tiêu biểu là Peirce, James và Dewey.

Quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ được hình thành trên mảnh đất hiện thực ở Mỹ vào những năm cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX. Nước Mỹ có điều kiện tự nhiên thuận lợi, nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng một nền kinh tế phát triển. Trên mảnh đất hiện thực đó, các nhà triết học thực dụng đã kế thừa, tiếp thu những tiền đề lý luận để xây dựng hệ thống quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng.

Có thể nói, đặc điểm chung của triết học thực dụng là nhấn mạnh triết học cần đi sâu và giải quyết những vấn đề của đời sống thực tiễn, thực dụng là phương thức tư duy trong hành động, theo đó chân lý là niềm tin vững chắc, hành động là phương tiện chủ yếu, hiệu quả thực tế là thước đo, là mục đích của hành động.

Chương 3

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA QUAN NIỆM VỀ CHÂN LÝ TRONG TRIẾT HỌC THỰC DỤNG MỸ

3.1. Về khái niệm chân lý

Khái niệm chân lý của triết học thực dụng có quá trình hình thành và phát triển được bắt đầu bằng quan điểm mang tính nền tảng của C. Peirce, được W. James triển khai tổng quát và hệ thống hóa, làm tiền đề cho sự phát triển

trong chủ nghĩa công cụ của J. Dewey.

3.1.1. Niềm tin thực dụng với tính cách là chân lý

C. Peirce đã đặt khái niệm “niềm tin thực dụng” thành tâm điểm trong hệ thống triết học của mình, từ đó, khẳng định sứ mệnh lịch sử của triết học không phải là nhận thức thế giới, mà là củng cố niềm tin. Theo quan niệm của Peirce, chân lý là niềm tin nhất quán và vững chắc, chân lý được xác định qua hoài nghi và niềm tin, có nghĩa rằng *chân lý đồng nhất với niềm tin*. Mục đích của nhận thức là đạt đến niềm tin, củng cố niềm tin vững chắc là bước chuẩn bị cho hành động, hành động nhằm đạt một mục đích nào đó, cũng tức là việc thừa nhận chân lý là cái góp phần đạt tới mục đích. “Niềm tin thực dụng” khác với niềm tin tôn giáo, không chỉ bởi nó là niềm tin được xây dựng trên mảnh đất thực tiễn, mà còn là nguyên tắc chỉ đạo hoạt động thực tiễn. Niềm tin thực dụng đã trở thành cội nguồn của sức mạnh, là một trong những nguyên nhân quan trọng lý giải sự hùng mạnh của nước Mỹ trong lịch sử cũng như ngày nay.

3.1.2. Định nghĩa chân lý

Quan niệm về chân lý của C. Peirce thể hiện ở tính hữu dụng, ở hiệu quả thực tế là cơ sở, nền tảng cho sự phát triển quan niệm về chân lý của W. James, ông đã phát triển, cụ thể hóa và đưa ra khái niệm chân lý. Xuất phát từ phạm trù kinh nghiệm, James đi đến một khẳng định rõ ràng về chân lý, khái niệm chân lý được thể hiện ở mệnh đề: *Cái gì hữu dụng, cái đó là chân lý; cái gì là chân lý, cái đó tất phải hữu dụng*. Quan niệm đồng nhất chân lý với hiệu quả đã trở thành đặc trưng của triết học thực dụng nói chung và lý luận nhận thức của triết học thực dụng nói riêng. Kế thừa quan niệm của Peirce và James, J. Dewey đã phát triển quan niệm về chân lý. Theo đó, *chân lý được coi là công cụ giúp con người hành động hiệu quả, đạt được sự thỏa mãn và thành công*.

Như vậy, xuất phát từ những tư tưởng của C. Peirce về nguyên tắc của chủ nghĩa thực dụng, khi cho rằng *nghĩa của khái niệm, tư tưởng chính là toàn bộ những hiệu quả thực tế*, W. James đã phát triển thành khái niệm chân lý, ông *đồng nhất chân lý với tính hữu dụng*. J. Dewey cũng có những quan điểm tương đồng với James về khái niệm chân lý, đồng thời phát triển khái niệm chân lý, khẳng định *chân lý là công cụ hữu ích giúp con người giải quyết những tình huống có vấn đề, đem lại hiệu quả, sự thỏa mãn và thành công*.

3.2. Về tiêu chuẩn của chân lý

3.2.1. Hiệu quả thực tế là tiêu chuẩn của chân lý trong quan niệm của C. Peirce

C. Peirce khẳng định *hiệu quả thực tế là tiêu chuẩn của chân lý*. Ông cho rằng, con người chỉ hành động và đạt hiệu quả khi có được niềm tin vững chắc, ông đề cao niềm tin và coi niềm tin là thái độ sẵn sàng hành động, nhưng đó không phải là niềm tin của số đông, mà là niềm tin khoa học được tạo ra từ sự

nhất trí của những chuyên gia trong một lĩnh vực nghiên cứu nhất định. Cơ sở của niềm tin vững chắc đó là hiệu quả thực tế do nó tạo ra. Rằng, niềm tin đó mới là cơ sở đáng tin cậy của chân lý, *hiệu quả thực tế là tiêu chuẩn của chân lý*. Theo ông, tổng số những hiệu quả do kinh nghiệm có thể cảm giác được của con người tạo ra là cơ sở để xác định đó là chân lý hay sai lầm. Từ quan niệm này, ông khẳng định rằng tiêu chuẩn của chân lý chỉ mang tính tương đối, quá trình đi tới chân lý là sự hiệu chỉnh những sai lầm.

3.2.2. *Hiệu quả có ích là tiêu chuẩn của chân lý trong quan niệm của W. James*

Nếu C. Peirce chỉ dừng lại ở quan điểm coi hiệu quả thực tế do khái niệm tạo ra là tiêu chuẩn của chân lý, thì W. James đã phát triển quan điểm này và đi đến khẳng định hiệu quả có ích, sự thành công là tiêu chuẩn căn bản của chân lý. Theo ông, tiêu chuẩn của chân lý mang tính tương đối, chủ quan, không có chân lý tuyệt đối, khách quan. Quan niệm này của ông chính là cơ sở để mỗi con người theo đuổi hiệu quả, lợi ích, hay sự thành công của cá nhân họ, bởi đó là tiêu chuẩn chân lý của chính họ. Nói cách khác, với James, tiêu chuẩn của chân lý là cụ thể, chỉ mang tính chủ quan và tính cá nhân.

3.2.3. *Tính hữu ích, sự thỏa mãn và thành công là tiêu chuẩn của chân lý trong chủ nghĩa công cụ của J. Dewey*

Kế thừa quan điểm của W. James về tiêu chuẩn của chân lý, J. Dewey cho rằng, tính hữu ích, sự thỏa mãn, sự thành công, cái có lợi là tiêu chuẩn của một quan niệm, một tư tưởng. Rằng, hiệu quả của một quan niệm hay một giả thuyết nào đó là thước đo chân lý của quan niệm hay giả thuyết đó. Từ đó, Dewey đưa ra thuyết công cụ, về thực chất đó là quan niệm cho rằng, tất cả các khái niệm, tư tưởng, quan niệm chẳng qua chỉ là những công cụ giúp cho con người hành động, đích đến của hành động chính là hiệu quả, sự thành công. Cho nên, tiêu chuẩn của các khái niệm, tư tưởng, cũng là tiêu chuẩn của chân lý là sự thỏa mãn mục đích, sự thành công của con người trong việc giải quyết tình huống có vấn đề, cũng như trong hoạt động cải tạo thực tiễn.

Có thể nói, quan niệm của triết học thực dụng về tiêu chuẩn của chân lý có sự thống nhất với khái niệm chân lý. Đồng nhất chân lý với hiệu quả, tính có ích, sự thành công đã quy định quan niệm của các nhà triết học thực dụng về tiêu chuẩn của chân lý. Từ quan điểm nền tảng của C. Peirce cho rằng, hiệu quả thực tế là tiêu chuẩn chân lý đến việc khẳng định hiệu quả có ích là tiêu chuẩn chân lý trong quan niệm của W. James. J. Dewey đã cụ thể hóa khi coi tiêu chuẩn của chân lý là tính hữu ích, sự thỏa mãn và thành công trong việc giải quyết những tình huống có vấn đề. Giá trị cơ bản về tiêu chuẩn của chân lý trong triết học thực dụng Mỹ thể hiện sự nhấn mạnh thực

tế, lấy hiệu quả thực tế làm thước đo của chân lý. Tuy nhiên sai lầm của các nhà triết học thực dụng là đã phủ nhận tiêu chuẩn khách quan của chân lý.

3.3. Về phương pháp luận khoa học nhằm đạt đến chân lý

Theo quan điểm của triết học thực dụng, chân lý là một quá trình không phải tĩnh tại, do đó, nhận thức chân lý cũng là một quá trình. Đó là quá trình phát sinh, phát triển và được chứng thực, có hiệu quả trong đời sống. Các nhà triết học thực dụng đưa ra phương pháp luận khoa học để nhận thức chân lý có sự thống nhất với quan niệm về chân lý.

Trong quan niệm về phương pháp luận khoa học nhằm đạt đến chân lý của triết học thực dụng Mỹ, các nhà triết học thực dụng Mỹ đều đề cao vai trò của phương pháp khoa học trong nhận thức chân lý, coi chân lý là quá trình nên nhận thức chân lý cũng là quá trình thường xuyên được kiểm chứng bằng phương pháp khoa học. Triết học thực dụng Mỹ khẳng định và đề cao phương pháp khoa học để đạt tới chân lý, thực chất, phương pháp khoa học nhằm đạt đến chân lý, tức là đạt được hiệu quả, sự thành công trong hành động cải tạo thực tiễn của con người. Đây là một trong những đóng góp của trường phái triết học này về lý luận nhận thức nói chung và về con đường nhận thức chân lý nói riêng. Song, những phương pháp mà họ đưa ra để nhận thức chân lý còn mang tính chủ quan và chưa thực sự thuyết phục.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 3

Quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng được bắt đầu bằng tư tưởng nền tảng của C. Peirce, được W. James triển khai tổng quát và hệ thống hóa, làm tiền đề cho sự phát triển trong chủ nghĩa công cụ của J. Dewey.

Tư tưởng triết học thực dụng của C. Peirce được thể hiện ở hai vấn đề được coi là trung tâm, xuyên suốt và được ông đặc biệt quan tâm, đó là vấn đề “*Củng cố niềm tin*” và “*Làm thế nào để tư tưởng của chúng ta được rõ ràng*”. Đó cũng là câu hỏi mà khi trả lời được sẽ là giải đáp cho quan niệm về chân lý của ông nói riêng và triết học thực dụng nói chung. Theo ông, để hành động con người cần củng cố niềm tin, đó là quá trình loại bỏ những hoài nghi đạt được niềm tin vững chắc, đạt được niềm tin vững chắc khi đó mục đích của nhận thức đã hoàn thành, con người có thể hành động dựa trên niềm tin đó. Ông đồng nhất *chân lý với niềm tin thực dụng*. Song, cần phải trả lời câu hỏi tiếp theo là tin vào cái gì? Hay tiêu chuẩn của niềm tin là gì? Theo ông, tiêu chuẩn đó là toàn bộ những hiệu quả thực tế do tư tưởng, khái niệm đó tạo ra. Chân lý khác với giả tạo chính là hành động dựa trên cơ sở, cơ sở đó là *hiệu quả thực tế*. Với logic đó, ông đã tạo ra “nguyên lý thực dụng” hay “nguyên tắc Peirce” được coi là nền tảng của quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng khi *đồng nhất chân lý với hiệu quả thực tế*. Trên cơ sở nguyên tắc chủ nghĩa thực

dụng của Peirce, W. James đã cụ thể hóa và đưa ra định nghĩa về chân lý bởi hiệu quả. Nếu như trong quan niệm của Peirce, chân lý thể hiện tính hữu dụng tương lai của chúng đối với những mục tiêu của con người, thì đến James, khái niệm chân lý đã được cụ thể khi ông xem chân lý là cái đem lại lợi ích, hiệu quả và sự thành công cho con người. Kế thừa quan điểm của Pierce và James về chân lý, Dewey đã phát triển khái niệm chân lý khi đồng nhất chân lý với chủ nghĩa công cụ. Xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa công cụ, ông cho rằng: *tư tưởng, quan niệm, lý luận là công cụ hành vi của con người*. Do vậy, chân lý là một sự thỏa mãn, là hiệu quả, thành công cho mọi người. Quan niệm về chân lý của Dewey đã cụ thể hơn khi coi chân lý là sự hữu dụng trong việc giải quyết những tình huống cụ thể. Sự thỏa mãn ở đây không phải là thỏa mãn riêng tư của một chủ thể hành động, mà là thỏa mãn các yêu cầu của bản thân tình huống có vấn đề.

Trong quan niệm của triết học thực dụng về tiêu chuẩn của chân lý, chúng ta thấy có sự thống nhất với khái niệm chân lý. Việc đồng nhất chân lý với hiệu quả, tính có ích, sự thành công đã quy định quan niệm về tiêu chuẩn của chân lý. Từ quan điểm của C. Peirce cho rằng hiệu quả thực tế là tiêu chuẩn của chân lý, đến việc khẳng định tính hiệu quả, tính có ích, sự thỏa mãn, sự thành công là tiêu chuẩn của chân lý trong quan niệm của W. James và J. Dewey. Đồng thời, các nhà triết học thực dụng Mỹ rất chú trọng trong phương pháp luận khoa học nhằm đạt đến chân lý, thực chất là đạt được hiệu quả, sự thành công trong hành động thực tiễn của con người.

Chương 4

GIÁ TRỊ VÀ HẠN CHẾ CỦA QUAN NIỆM VỀ CHÂN LÝ TRONG TRIẾT HỌC THỰC DỤNG MỸ

4.1. Giá trị của quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ

4.1.1. *Phê phán quan niệm tư biện về chân lý*

Triết học thực dụng nhấn mạnh thực tế và hướng những vấn đề của đời sống con người vào trong triết học, hướng mục đích của triết học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra. Với định hướng này, họ lên tiếng phản đối các lý thuyết chân lý tư biện, như lý thuyết sao chép của chủ nghĩa duy vật máy móc; lý thuyết chân lý mang tính bất biến, chết cứng của chủ nghĩa duy lý. Từ đó, các nhà triết học thực dụng coi trọng tính chủ thể, sáng tạo trong quá trình nhận thức chân lý. Quan điểm này khẳng định vai trò quan trọng, thậm chí quyết định của chủ thể nhận thức, đề cao vai trò chủ động, sáng tạo của chủ thể trong quá trình nhận thức chân lý. Quá trình đó có cả những sai lầm nhưng điều quan trọng là cần thường xuyên hiệu chỉnh sai lầm nhằm đạt hiệu quả thực tế.

4.1.2. Đề cao hiệu quả thực tế là tiêu chuẩn của chân lý

Đề cao hiệu quả thực tế, các nhà triết học thực dụng Mỹ cho rằng những khái niệm triết học chỉ có giá trị khi được đặt trên mảnh đất hiện thực chứ không phải là sự trừu tượng, xa rời thực tiễn. Ý nghĩa của triết học nằm ở quan hệ của nó với đời sống con người, có ý nghĩa thực tiễn đối với con người. Vấn đề của triết học phải là những vấn đề của con người, mang lại hiệu quả, lợi ích, sự thành công cho con người. Do đó, chân lý được hiểu là công cụ giúp con người đạt được mục đích, sự thỏa mãn và thành công; cái gì hữu dụng, cái đó là chân lý; cái gì là chân lý, cái đó tất hữu dụng. Mệnh đề trên trở thành quan điểm nền tảng của triết học thực dụng Mỹ nói chung và quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng nói riêng.

4.1.3. Nhấn mạnh yếu tố năng động chủ quan trong quá trình nhận thức chân lý

Triết học thực dụng Mỹ phê phán quan điểm siêu hình về chân lý. Họ cho rằng, chân lý không phải là cái đích tự tại mà nhận thức chân lý là một quá trình mang tính chủ quan, được kiểm nghiệm bằng hiệu quả thực tế. Đề cao vai trò của chủ thể, chân lý thực chất là việc xác định mối quan hệ của chủ thể tư duy, ý thức với thế giới. Quá trình nhận thức chân lý bao hàm sự sáng tạo, mang đậm dấu ấn chủ quan của chủ thể. Đây là một trong những đóng góp của triết học thực dụng trong quan niệm về chân lý. Ở một góc độ nhất định, quan niệm về chân lý hướng đến con người trong sự thống nhất chỉnh thể chân - thiện - mỹ, đó là biểu hiện của chủ nghĩa nhân bản trong triết học thực dụng. Quan điểm đó là sự phản ánh thực tiễn, là quan điểm phù hợp trong thời đại ngày nay, khi thước đo của giá trị chính là tính hiệu quả, sự thành công và thỏa mãn những nhu cầu của con người, con người chính là thước đo của chính mình và vạn vật. Đó là một nguyên nhân lý giải vì sao triết học thực dụng Mỹ lại tác động mạnh mẽ đến đến con người và xã hội Mỹ, đưa nước Mỹ trở thành một siêu cường thế giới.

4.1.4. Đề cao phương pháp khoa học và sự kiểm chứng trong nhận thức chân lý

Các nhà triết học thực dụng Mỹ cho rằng, chân lý là quá trình được chứng thực và kiểm nghiệm, qua đó họ đề cao phương pháp khoa học để đạt đến chân lý. Trong đó, phương pháp của triết học thực dụng giúp con người định hướng kết quả trong hoạt động, một thái độ chủ động, không chịu những rào cản của tư tưởng cũ, cái quan trọng là những kết quả cuối cùng chứ không phải là những nguyên tắc đầu tiên. Các nhà triết học thực dụng luôn có sự thống nhất trong việc đề cao phương pháp khoa học và sự kiểm chứng trong nhận thức chân lý. Trong bối cảnh sự phát triển nhanh chóng của khoa học tự nhiên và các

tiến bộ của khoa học kỹ thuật, việc đề cao phương pháp khoa học trong quá trình nhận thức chân lý của triết học thực dụng là một quan điểm tiến bộ.

4.1.5. Tác động tích cực đến đời sống xã hội, văn hóa và lối sống Mỹ

Trước khi triết học thực dụng ra đời, nước Mỹ được đánh giá là một nước ít quan tâm đến triết học. Chúng ta đều hiểu thứ triết học mà người Mỹ ít quan tâm đó là triết học siêu hình, trừu tượng, tư biện của châu Âu. Triết học thực dụng ra đời ở Mỹ vào cuối thế kỷ XIX đã tạo ra sự phù hợp không chỉ với phương pháp tư duy của người Mỹ, còn phù hợp với đặc điểm hình thành quốc gia, dân tộc, nền văn hóa và lối sống Mỹ. Nó đáp ứng được yêu cầu của người Mỹ - những người tự thân, lập thân mà cái cốt yếu là hiệu quả, sự thành công trong hành động.

Nói không quá khi khẳng định triết học thực dụng đã ăn sâu, bám rễ vào đời sống xã hội và con người Mỹ. Nó trở thành công cụ hành động giúp con người đạt hiệu quả, lợi ích, sự thành công, qua đó cũng thúc đẩy xã hội phát triển. Do vậy, quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng đã có tác động đến mọi mặt của xã hội và con người Mỹ. Chính việc đề cao thực tiễn, coi trọng hiệu quả đã làm nên sức sống của triết học thực dụng. Ở đây, chúng ta thấy có một sự trùng hợp đến kỳ lạ về trong quan niệm về chân lý của trường phái triết học này với tư duy người Mỹ, những người coi trọng thực tiễn, coi trọng hiệu quả thực tế. Với họ, chân lý đồng nhất với hiệu quả, lợi ích, sự thành công.

4.2. Hạn chế của quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ

4.2.1. Thể hiện lập trường duy tâm chủ quan

Triết học thực dụng Mỹ là một trường phái triết học duy tâm chủ quan, trong lý luận nhận thức nói chung và quan niệm về chân lý nói riêng, triết học thực dụng Mỹ thể hiện rõ quan điểm duy tâm chủ quan. Lập trường duy tâm chủ quan của trường phái triết học này được thể hiện ở sự phủ nhận hiện thực khách quan, cũng như các quy luật của thế giới khách quan, phủ nhận vấn đề cơ bản của triết học. Biểu hiện trong quan niệm về chân lý, triết học thực dụng bác bỏ chân lý khách quan, khẳng định chân lý là cụ thể. Tiền đề của triết học thực dụng lấy con người - một thực thể phi lý tính, dưới ảnh hưởng của những tiềm thức làm điểm xuất phát.

4.2.2. Phủ nhận tính khách quan và tiêu chuẩn khách quan của chân lý

Là một trường phái triết học duy tâm chủ quan, các nhà triết học thực dụng đều cố gắng bằng cách này hay cách khác để phủ nhận hiện thực khách quan, cũng như tiêu chuẩn khách quan của chân lý. Niềm tin giữ vai trò quyết định, thực tại chỉ là cái do con người ta tin. Hiện thực là hiện thực mà chủ thể đã trải qua bằng kinh nghiệm để cảm nhận và xử lý, chứ không phải là hiện

thực khách quan. Hành động thực tiễn cũng chỉ là bất kỳ hành động nào của chủ thể, kể cả là ý thức chủ quan thuần túy. Phù hợp với thế giới khách quan chỉ là sự phù hợp với lợi ích, hiệu quả, sự thành công của chủ thể theo đuổi.

Triết học thực dụng phủ nhận tiêu chuẩn khách quan, đồng thời nhấn mạnh tính chủ quan, nhân tạo của chân lý. Từ đó, lý luận này biện hộ cho sự tồn tại của tôn giáo, xem sự tồn tại đó là có ích cho con người. Đối với triết học thực dụng, nhận thức không quan trọng là đúng hay sai, nhận thức giống như công cụ chỉ cần quan tâm đến hiệu quả hay không hiệu quả. Do đó, nhiệm vụ của nhận thức là đảm bảo cho tính hiệu quả tối đa cho hành động, nếu nó mang lại giá trị thực tiễn tức là có hiệu quả thì nó được coi là chân lý.

4.2.3. Tuyệt đối hóa tính chủ quan, tính tương đối và phủ nhận tính tuyệt đối của chân lý

Trong quan niệm về chân lý, triết học thực dụng Mỹ thể hiện lập trường duy tâm chủ quan. Các nhà triết học của trường phái này đã tuyệt đối hóa tính chủ quan, cho rằng chân lý là cụ thể, là tương đối và không có chân lý tuyệt đối. Có thể nói, chân lý là sản phẩm của quá trình nhận thức của con người về thế giới khách quan, do đó nó mang tính chủ quan, là cụ thể, tương đối. Nhưng việc tuyệt đối hóa tính chủ quan, tính cụ thể, tính tương đối mà phủ nhận chân lý tuyệt đối lại là hạn chế của quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 4

Đồng nhất chân lý với hiệu quả thực tế là đặc trưng cơ bản của quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ. Nó cũng là nền tảng của triết học thực dụng và khi nhắc đến triết học thực dụng là nhắc đến hiệu quả của hành động. Vì vậy, có ý kiến còn nhấn mạnh đây là trường phái triết học hành động, thể hiện triết lý hành động. Chính vì vậy, không phải ngẫu nhiên, triết học thực dụng trở thành nét văn hóa của người Mỹ. Sở dĩ nó có ảnh hưởng lớn như vậy đối với người Mỹ, xã hội Mỹ bởi quan niệm về chân lý đã đi sâu vào những vấn đề thực tế đời sống, nhằm cải tạo thực tiễn của con người. Nó quan tâm trả lời câu hỏi làm thế nào để suy nghĩ và hành động đạt được hiệu quả, ích lợi và thành công. Điều đáng nói ở đây là triết học thực dụng nói chung và quan niệm về chân lý của triết học thực dụng nói riêng đã có sự phù hợp với văn hóa và lối sống của người Mỹ; cũng bởi sự phù hợp này, triết học thực dụng được người Mỹ, xã hội Mỹ dễ dàng chấp nhận như một triết lý nội sinh thấm sâu vào huyết mạch và khí quản con người. Nó không chỉ ảnh hưởng đến nước Mỹ, mà còn ảnh hưởng đến nhiều nước trên thế giới. Điều đó là minh chứng sống cho những giá trị của quan niệm về chân lý nói riêng và của triết học thực dụng nói chung.

Những giá trị cơ bản của quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ có thể khái quát ở những nội dung coi trọng thực tiễn, nhấn mạnh hiệu quả trong hành động, phê phán quan niệm tư biện về chân lý, khẳng định tính năng động chủ quan trong quá trình nhận thức chân lý. Giá trị đó không dừng lại ở mặt lý luận, nó còn là sự khẳng định về mặt thực tiễn. Thực tiễn nước Mỹ là một mảnh đất chứng minh rằng, một trường phái triết học nếu biết giải quyết những vấn đề của thực tiễn cuộc sống đặt ra sẽ có sức mạnh và tầm ảnh hưởng to lớn. Trường hợp đó rất đúng với quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ.

Có thể khẳng định, đặc trưng chủ yếu của quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng là sự nhấn mạnh hiệu quả hành động; điều này có những yếu tố hợp lý nhất định, đáp ứng được nhu cầu, khát vọng, ham muốn tự do, sáng tạo và ước muốn thay đổi; đặc biệt là sự coi trọng thành quả sáng tạo của cá nhân được thể hiện ở tính hữu dụng, sự thành công. Chính nó đã đem lại những giá trị nhất định cho con người và xã hội. Tuy nhiên, cũng từ quan niệm quá chú trọng, tuyệt đối hóa hiệu quả, cái có ích của hành động đã làm xuất hiện những hạn chế nhất định. Triết học thực dụng nói chung, quan niệm về chân lý của triết học thực dụng nói riêng, không thể giải quyết được mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng, giữa hiệu quả của cá nhân và hiệu quả cho cộng đồng xã hội. Tất nhiên, trong tương quan so sánh với quan niệm về chân lý của triết học Mác - Lênin nói chung và phạm trù thực tiễn nói riêng, chúng ta càng thấy rõ hơn những giá trị và hạn chế của quan niệm về chân lý trong triết học thực dụng Mỹ.

KẾT LUẬN

Chân lý là một vấn đề cơ bản trong lý luận nhận thức. Nghiên cứu về vấn đề này có rất nhiều quan niệm khác nhau, trong đó có quan niệm về chân lý của triết học thực dụng. Quan niệm về chân lý của trường phái triết học này là một sự cố gắng đi tìm cách lý giải mới, khác với các quan niệm truyền thống về bản chất của chân lý. Quan niệm độc đáo, mới mẻ của triết học thực dụng về vấn đề chân lý đã gây ra nhiều ý kiến trái chiều, đồng tình có, phản đối có, khen có, chê có. Tuy nhiên, chúng ta không thể phủ nhận ảnh hưởng của triết học thực dụng tới xã hội Mỹ nói riêng và tới các nước trên thế giới nói chung. Ảnh hưởng đó theo hai hướng, cả theo chiều hướng tích cực lẫn theo chiều hướng tiêu cực; thậm chí đã có lúc, người ta còn đồng nhất chủ nghĩa thực dụng với lối sống thực dụng. Sở dĩ có sự ảnh hưởng to lớn như vậy chính là do vấn đề chân giá trị mà triết học thực dụng theo đuổi, hay chính là việc lý giải quan niệm về chân lý của trường phái triết học này. Lý giải vấn đề này, luận án đã góp phần làm rõ hơn nguyên nhân của sự ảnh hưởng đó.

Nói tới nước Mỹ, người Mỹ và sự hùng mạnh của nước Mỹ trong thế giới hiện đại là chúng ta nhắc đến triết học thực dụng - thứ triết học được xem như “đặc sản tinh thần của người Mỹ”, được coi là công cụ hữu hiệu bậc nhất giúp nước Mỹ khẳng định sự hùng mạnh của mình. Người Mỹ tôn thờ triết học thực dụng như tôn thờ chân lý của sự sống còn trong một quốc gia đa sắc tộc, đa văn hóa. Từ châm ngôn thực dụng của C.Peirce, chân lý ở tính hữu dụng tương lai với những mục tiêu của con người, W.James đã phát triển thành quan niệm chân lý là hiệu quả, cái gì hữu ích cái đó là chân lý. Đến J.Dewey, chân lý là sự khẳng định có cơ sở, sự khẳng định đó dựa trên tính hiệu quả, có tác dụng giúp con người thỏa mãn, thành công trong việc giải quyết những tình huống có vấn đề. Trong ba nhà triết học thực dụng Mỹ, thì quan điểm của C.Peirce nhấn mạnh lý luận về nghĩa hơn cả học thuyết về chân lý. Ông là người đặt cơ sở, nền móng cho toàn bộ lý luận của triết học thực dụng về chân lý. Quan điểm của W.James về vấn đề chân lý thể hiện đầy đủ, hoàn chỉnh nhất. J.Dewey là người phát triển lý luận chân lý trong lý luận về chủ nghĩa công cụ. Đồng nhất chân lý với tính hữu dụng trở thành quan điểm nền tảng của lý luận thực dụng về chân lý.

Quan niệm về chân lý của triết học thực dụng có những hạn chế, bên cạnh đó cũng có một số giá trị nhất định. Giá trị của triết học thực dụng khi bàn về vấn đề chân lý ở sự phê phán những hạn chế, sai lầm của triết học tư biện, coi chân lý là những giá trị vĩnh hằng, bất biến. Ở khía cạnh này, triết học thực dụng tỏ ra có lý khi cho rằng, chân lý chỉ mang tính tương đối và thường xuyên phải hiệu chỉnh khi những căn cứ cho sự tồn tại của nó đã thay đổi. Tuy nhiên, phủ định tính tuyệt đối của chân lý lại là quan điểm sai lầm. Triết học thực dụng

bàn đến vấn đề thực tiễn, sự phù hợp của khái niệm với “thực tại”. Về điểm này, các nhà triết học thực dụng đã trung thành với quan điểm nền tảng của mình khi cho rằng, sự phù hợp với thực tại không phải là sự phù hợp với thế giới khách quan, mà là sự phù hợp của một bộ phận thế giới với lợi ích của con người. Có thể nói, quan điểm này của triết học thực dụng đã phủ nhận tiêu chuẩn khách quan của chân lý; coi chân lý chỉ thuần túy chủ quan, là sự thỏa mãn lợi ích của con người. Việc nhấn mạnh nhận thức chân lý là quá trình được chứng thực và có hiệu quả trong đời sống thực tiễn, đã cho thấy triết học thực dụng coi trọng vấn đề thực tiễn trong nhận thức; xem nhận thức là một quá trình biện chứng có sự chứng thực bằng hiệu quả thực tế. Các nhà triết học thực dụng Mỹ đề cao vai trò năng động, sáng tạo của chủ thể trong quá trình nhận thức chân lý, bởi suy cho cùng, con người với tư cách là chủ thể được coi là cội nguồn của sự sáng tạo và sức mạnh trong nhận thức, cải tạo thế giới, hay *con người là thước đo chính mình và của vạn vật*. Đương nhiên, sai lầm của họ là cách hiểu thực tiễn chẳng qua chỉ là hoạt động kinh nghiệm thuần túy mang tính chủ quan của con người vì mục đích có ích cho con người. Thậm chí, các nhà triết học thực dụng còn ủng hộ và luận chứng cho sự tồn tại mang tính hợp lý của tôn giáo, vì tôn giáo giúp thỏa mãn nhu cầu, là có ích đối với con người. Có thể nói, triết học thực dụng ra đời, tồn tại và phát triển được coi là hệ thống lý luận có sự phù hợp với xã hội Mỹ nói riêng và đặc điểm xã hội phương Tây hiện nay nói chung.

Nghiên cứu quan niệm của triết học thực dụng về chân lý giúp chúng ta có cơ sở để so sánh, đối chiếu với quan niệm về chân lý của các trào lưu triết học phương Tây hiện đại và các trào lưu triết học khác. Qua nghiên cứu vấn đề chân lý trong triết học thực dụng Mỹ, tác giả luận án đã cố gắng đưa ra một cách nhìn khách quan, với mong muốn tìm thấy những giá trị tích cực vốn có của nó trong những điều kiện nhất định. Từ quan điểm khách quan đó, tác giả cũng thấy rõ những hạn chế cơ bản của trường phái triết học này khi bàn về vấn đề chân lý. Quan điểm khách quan đó càng khẳng định tính đúng đắn của quan niệm về chân lý trong triết học Mác - Lênin nói riêng và lý luận nhận thức nói chung.

Tuy nhiên, trong phạm vi của một đề tài luận án, tác giả đã cố gắng, nỗ lực hoàn thành mục đích và nhiệm vụ đặt ra, nhưng cũng không tránh khỏi hạn chế chủ quan, chưa thật toàn diện về vấn đề nghiên cứu, đặc biệt đây là một vấn đề khó. Tác giả mong rằng trong tương lai sẽ có sự phát triển và hoàn thiện thêm ở cấp độ cao hơn, với chất lượng tốt hơn, nhằm đáp ứng được một phần nào đó về lý luận và thực tiễn khi nghiên cứu về vấn đề chân lý nói riêng và lý luận nhận thức nói chung hiện nay.